TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ BỒNG** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 16/2019/QĐST-HNGĐ	*Trà Bồng, ngày 17 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 23/2019/TLST/HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày: 1981

Địa chỉ: Khu dân cư 10, tổ dân phố 5, thị trấn TX, huyện TB, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn T, xã TTh, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái với pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Minh H và anh Nguyễn Minh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Minh H và anh Nguyễn Minh T tự nguyện ly hôn.

- Về con chung: Khi ly hôn chị Nguyễn Thị Minh H nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con Nguyễn Minh Vĩnh Tr ; (sinh ngày 06/10/2014) và Nguyễn Minh Vĩnh Tr1; (sinh ngày 06/10/2014). Anh Nguyễn

Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đ/tháng (ba triệu đồng) nuôi con Nguyễn Minh Vĩnh Tr đến khi đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2019.

Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Mỗi người phải chịu 75.000 đ (bảy mươi lăm nghìn đồng). Tuy nhiên, chị H tự nguyện nộp đủ 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình (sung công quỹ nhà nước)

Anh T phải chịu 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng. Tuy nhiên, chị H tự nguyện nộp 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa cấp dưỡng thay cho anh T (sung công quỹ nhà nước)

Chị H sẽ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/0002915 ngày 26 tháng 03 năm 2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Bồng.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày chị Nguyễn Thị Minh H có đơn yêu cầu thi hành án mà anh T không nộp thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Q.Ngãi;
- VKSND huyện Trà Bồng;
- Chi cục THADS huyện Trà Bồng;
- UBND xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hòa